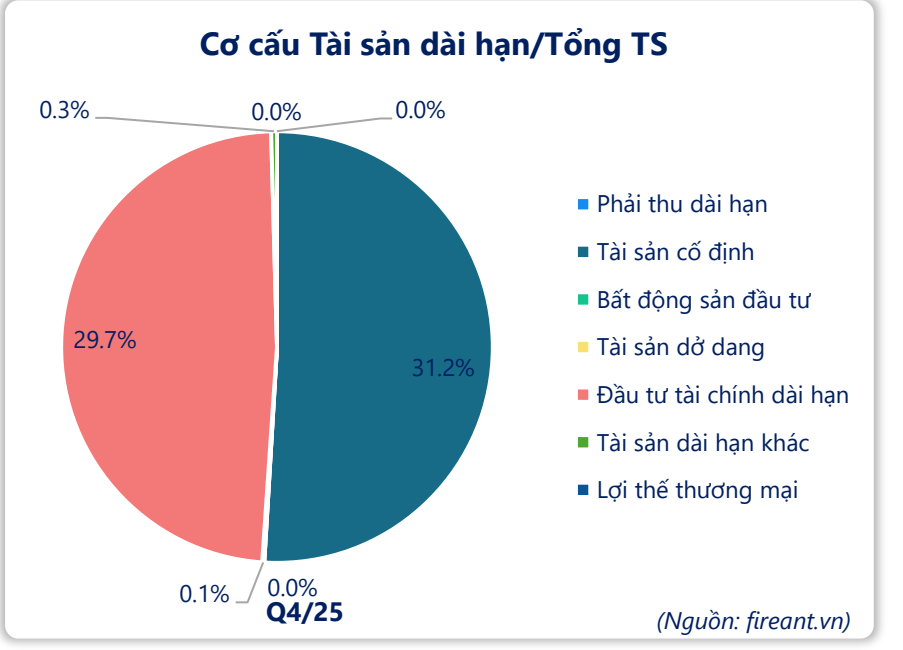
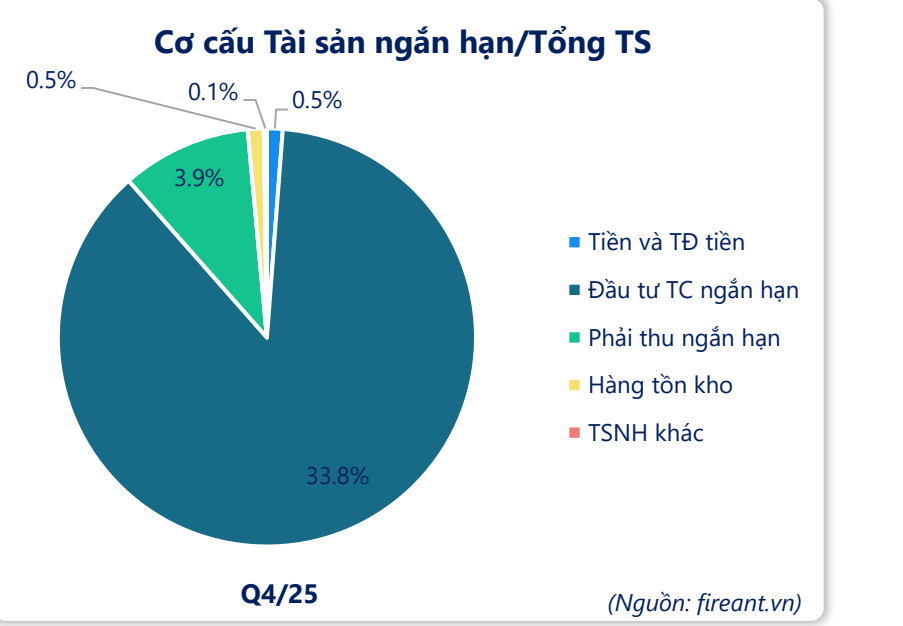
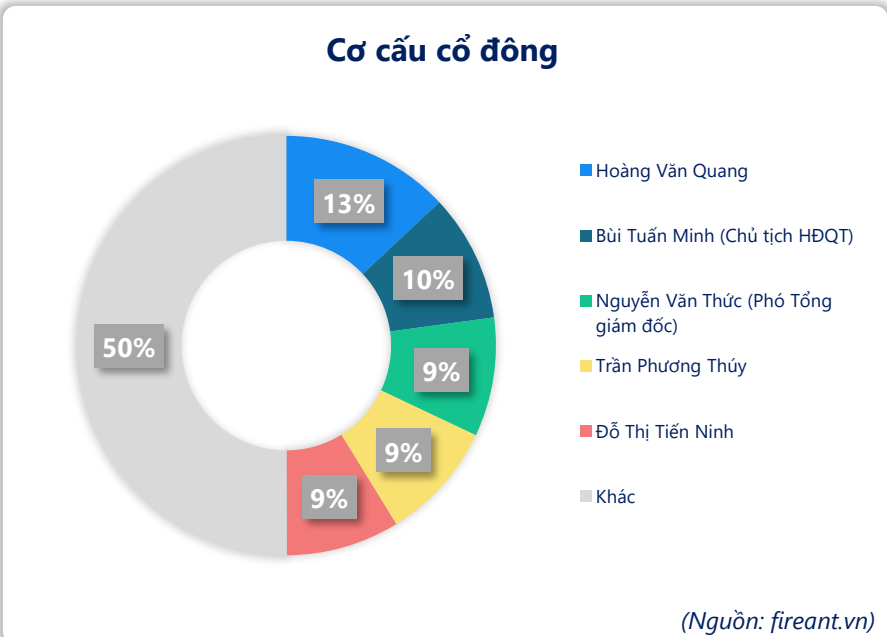
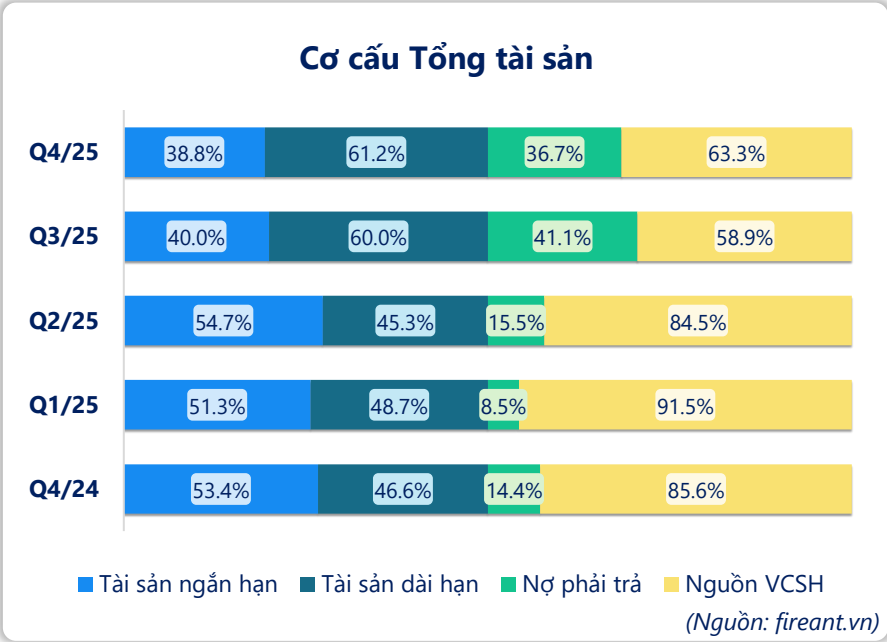
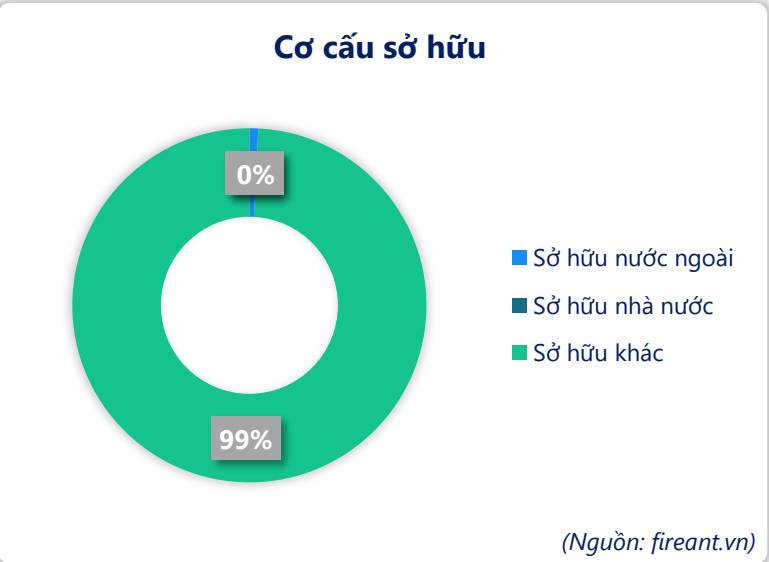
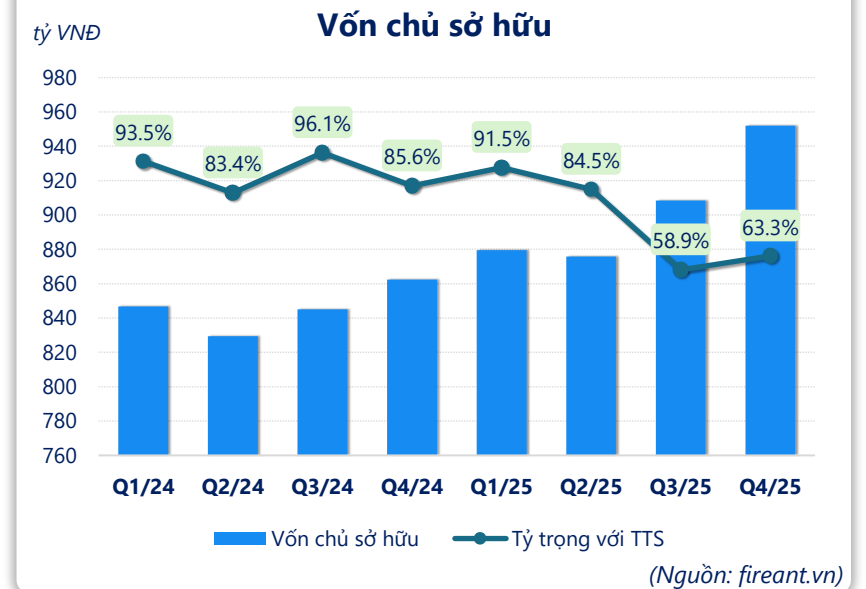
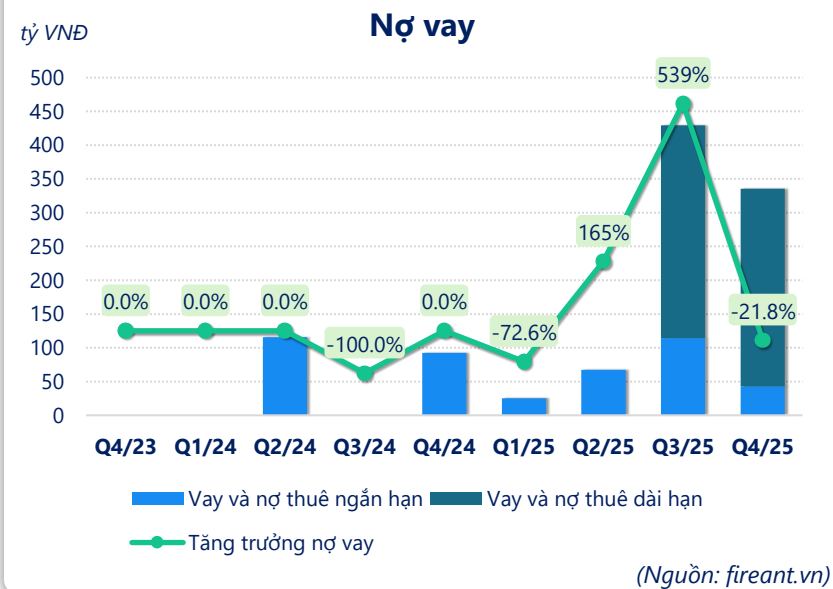
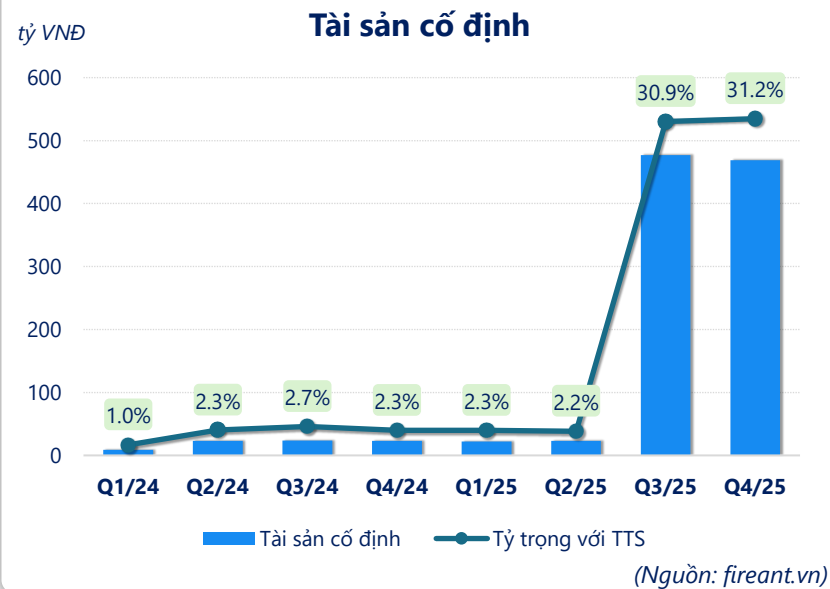
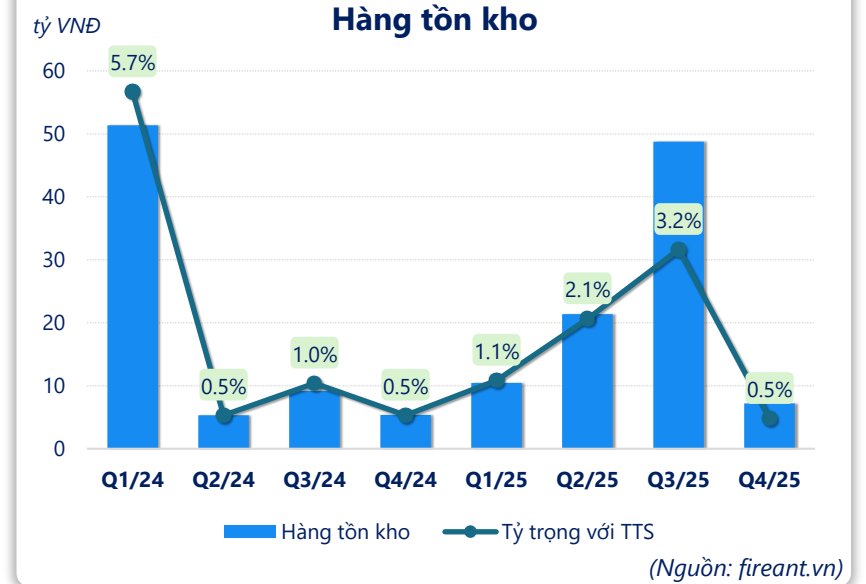
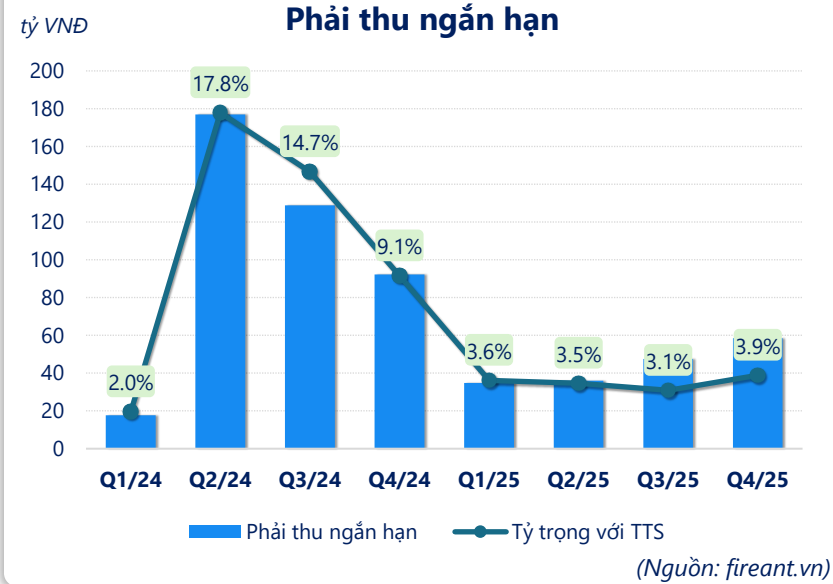
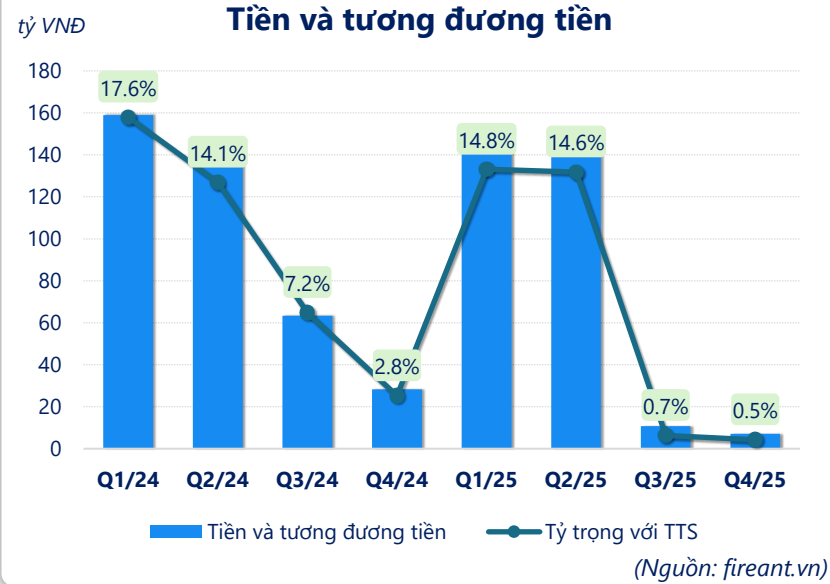
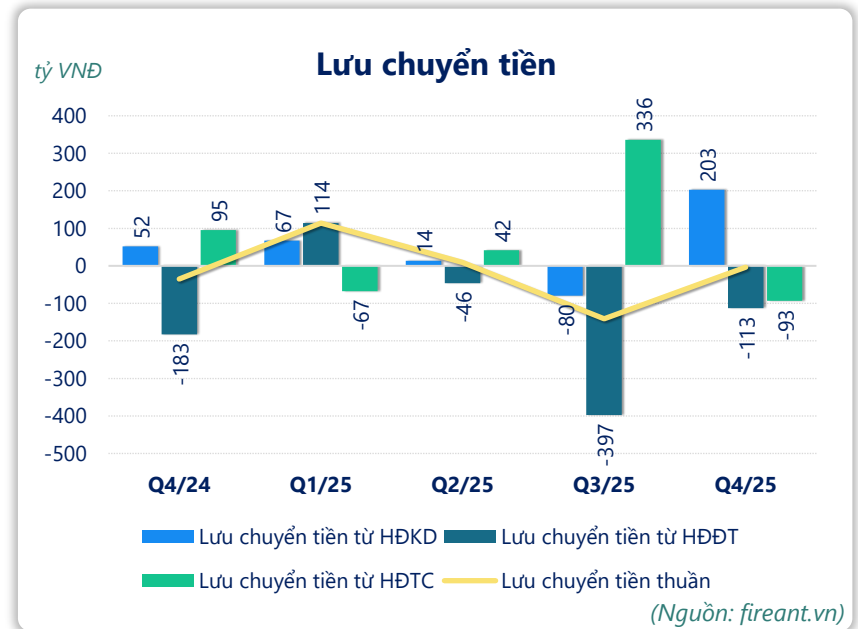
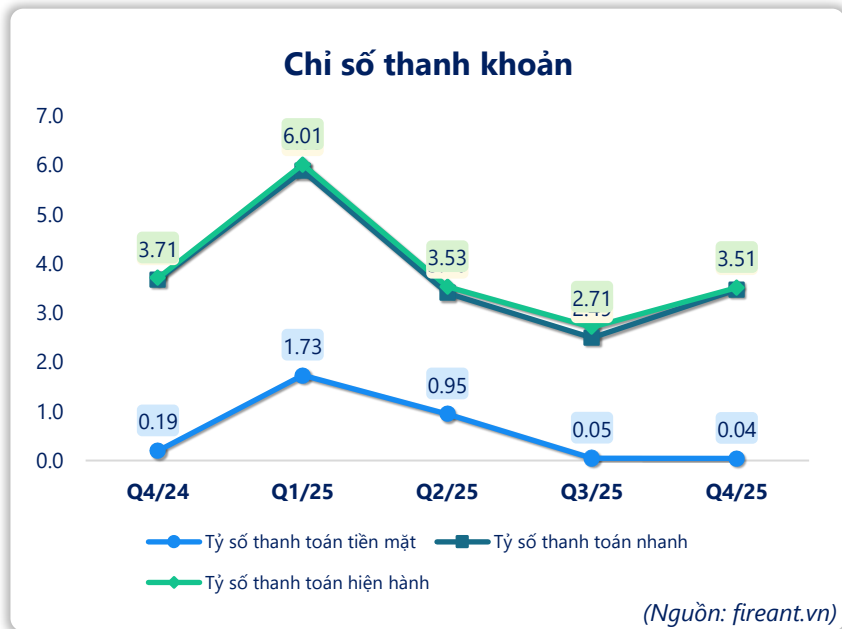
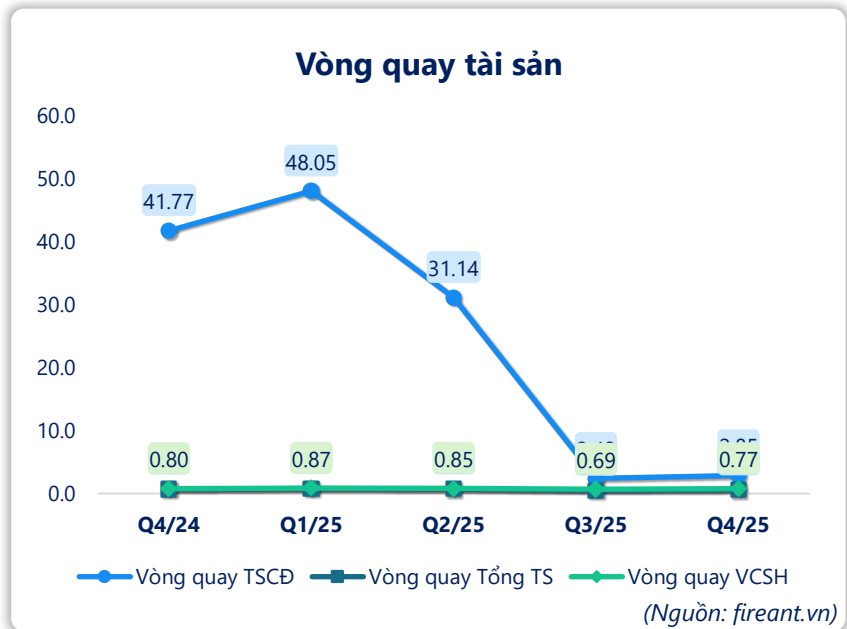
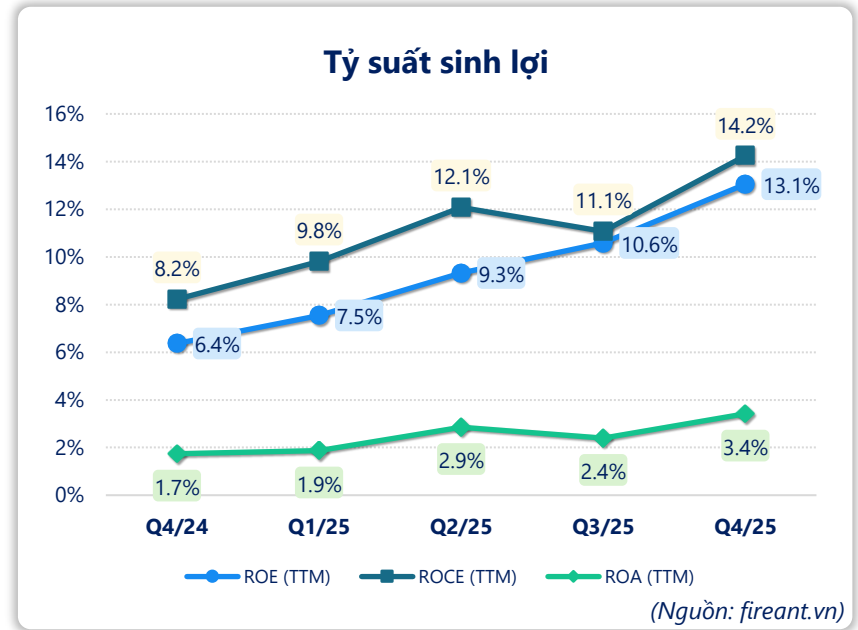
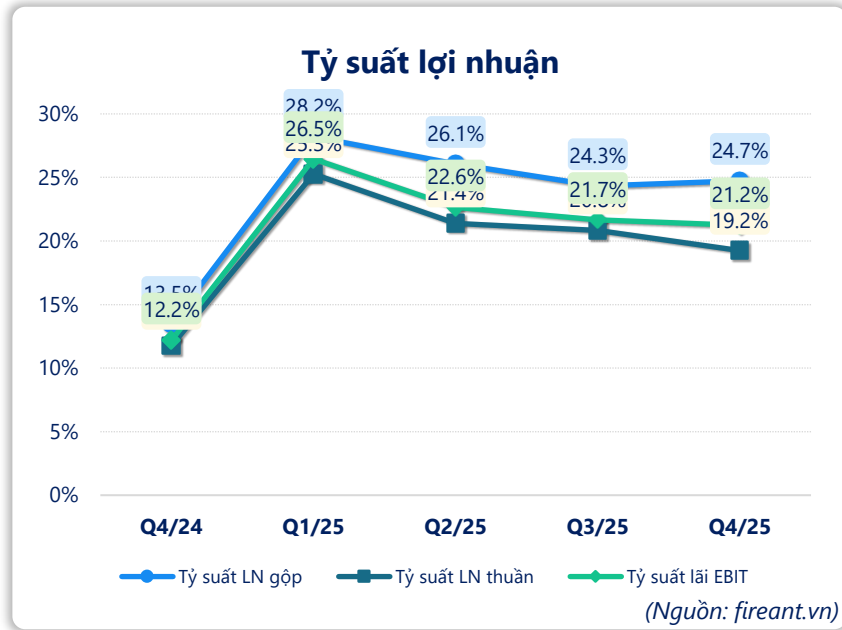
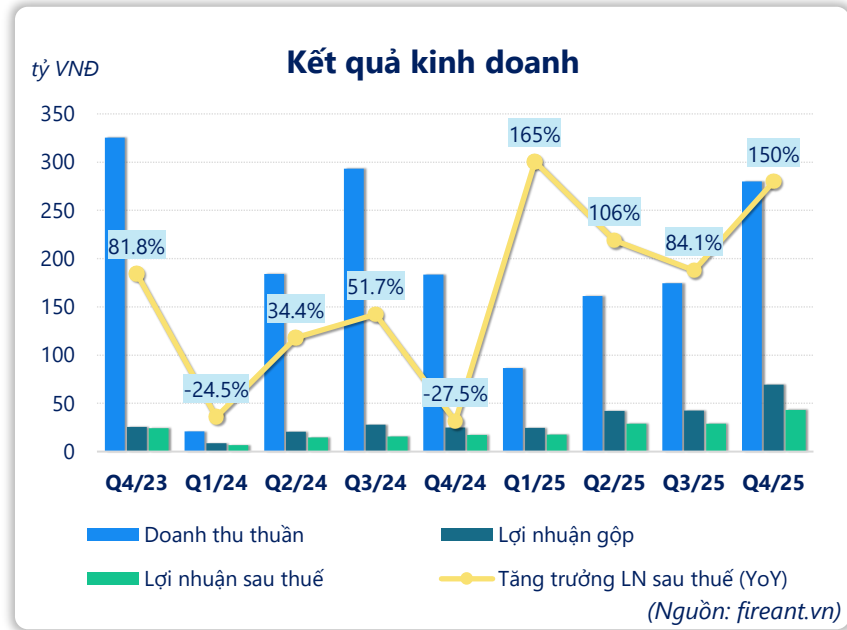


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,501
SL cổ phiếu LH		59,910,133
KLGD BQ 20 phiên (CP)		235,620
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		653
P/E		5.5
EPS		1,976

	YTD	1T	3T	6T
DXP	-1.0%	-1.8%	-2.7%	14.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,503	1,007	49.3%
Tài sản ngắn hạn	583	538	8.4%
Tiền và tương đương tiền	7.07	28.2	-74.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	509	412	23.6%
Phải thu ngắn hạn	58.4	92.2	-36.6%
Hàng tồn kho	7.19	5.35	34.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.39	0.38	266%
Tài sản dài hạn	920	469	96.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	469	23.3	1913%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.41	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	446	445	0.3%
Tài sản dài hạn khác	3.99	1.36	194%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	551	145	280%
Nợ ngắn hạn	166	145	14.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	42.5	92.5	-54.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	67.9	36.5	86.1%
Nợ dài hạn	385	0.05	770550%
Vay và nợ thuê dài hạn	293	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	952	862	10.4%
Vốn chủ sở hữu	952	862	10.4%
Vốn điều lệ	599	599	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	184	86.6	161	174	280
Giá vốn hàng bán	159	62.2	119	132	211
Lợi nhuận gộp	24.7	24.4	42.0	42.4	69.3
Doanh thu HĐTC	5.23	7.07	6.91	7.97	7.47
Chi phí TC	0.96	1.03	0.46	1.43	4.20
Chi phí lãi vay	0.76	1.03	0.46	1.43	5.62
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.47	4.10	8.36	9.18	12.4
Chi phí QLDN	3.96	4.48	5.64	3.43	6.33
LN thuần từ HĐKD	21.6	21.9	34.5	36.3	53.9
Lợi nhuận khác	0.01	0	1.57	0.00	0.00
LN trước thuế	21.6	21.9	36.1	36.3	53.9
Lợi nhuận sau thuế	17.3	17.5	29.0	29.0	43.2
LNST của CĐ cty mẹ	17.3	17.5	29.0	29.0	42.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	52.1	67.3	13.7	-79.6	203
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-183	114	-45.9	-397	-113
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	95.2	-67.1	41.8	336	-93.3
Tiền đầu kỳ	63.3	28.2	142	152	10.7
Lưu chuyển tiền thuần	-35.2	114	9.59	-141	-3.73
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0	0.01	-0.01	0.08
Tiền cuối kỳ	28.2	142	152	10.7	7.07

(Nguồn: fireant.vn)